TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 261/2019/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 24 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

Căn cứ các Điều 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55,81,82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 391/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung, tài sản chung khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Nguyễn Xuân H; Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện T, thành phố H và chị Trần Thị Minh N; Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Xuân H và chị Trần Thị Minh N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/1997, ngày 11/6/1997 của Ủy ban nhân dân phường A, quận L, thành phố H là hợp pháp. Nay hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Xuân H và chị Trần Thị Minh N thống nhất trình bày: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Đông N, sinh ngày 17/12/1997 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 10/12/2003, khi ly hôn anh H và chị N thống nhất thỏa thuận con chung tên Nguyễn Trần Đông N đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên

Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 10/12/2003 do anh Nguyễn Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành trên 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Xuân H và chị Trần Thị Minh N thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung tại Trung tâm hòa giải Tòa án nhân dân huyện T, ngày 16 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H và chị Trần Thị Minh N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Xuân H và chị Trần Thị Minh N thống nhất thỏa thuận: Con chung tên Nguyễn Trần Đông N, sinh ngày 17/12/1997 hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh Nguyễn Xuân H trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 10/12/2003, cho đến khi con chung tên V trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Xuân H và chị Trần Thị Minh N thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Xuân H tự nguyện nhận nộp cả 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002572, ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Anh Nguyễn Xuân H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thuỷ Nguyên;
- TANDTP H;
- UBNDphường A, quận L, thành phố Hải (GCNKH số 01/1997, ngày 11/6/1997);
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Sự